

KẾT QUẢ ĐIỂM PHÚC KHẢO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Công văn số/SGDĐT-QLCL ngày /6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Số báo danh	Họ và tên	HỘI ĐỒNG	PHÒNG THI	Điểm sau phúc khảo				Ghi chú
					Văn	Anh	Toán	tiền, K K	
1	010028	LÊ MINH ANH	01-THPT Chuyên Hùng Vương	2	6,75				
2	010034	NGÔ HOÀNG TRÂM ANH	01-THPT Chuyên Hùng Vương	2	7,50		8,00		
3	010044	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	01-THPT Chuyên Hùng Vương	2			8,00		
4	010058	VŨ THỊ KIM ANH	01-THPT Chuyên Hùng Vương	3	8,25		7,75		
5	010070	HÀ ĐĂNG BẢO	01-THPT Chuyên Hùng Vương	3			8,50		
6	010099	NGÔ PHAN KHẢ DOANH	01-THPT Chuyên Hùng Vương	5			7,50		
7	010142	TRẦN NGUYỄN TRÍ ĐỨC	01-THPT Chuyên Hùng Vương	6			8,25		
8	010149	ĐINH LÊ THÁI HÀ	01-THPT Chuyên Hùng Vương	7			9,50		
9	010199	TRẦN MINH HIẾU	01-THPT Chuyên Hùng Vương	9	7,50				
10	010209	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	01-THPT Chuyên Hùng Vương	9		8,00			
11	010226	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	01-THPT Chuyên Hùng Vương	10		4,90	7,75		
12	010248	NGUYỄN HY KHANG	01-THPT Chuyên Hùng Vương	11	7,75				
13	010300	PHẠM NGỌC TUỜNG LAM	01-THPT Chuyên Hùng Vương	13	7,25		6,25		
14	010351	ABDUL LÊ HOÀNG MINH	01-THPT Chuyên Hùng Vương	15			9,00		
15	010421	NGUYỄN VÕ KHÁNH NGỌC	01-THPT Chuyên Hùng Vương	18	7,25		9,00		
16	010505	TRẦN NGỌC MINH PHƯƠNG	01-THPT Chuyên Hùng Vương	22		7,90	7,00		
17	010520	LÊ HỮU QUỐC	01-THPT Chuyên Hùng Vương	22			7,75		
18	010539	ĐỖ THÀNH TÀI	01-THPT Chuyên Hùng Vương	23	7,00	8,90			
19	010565	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	01-THPT Chuyên Hùng Vương	24			7,75		
20	010598	NGÔ NHẤT TIẾN	01-THPT Chuyên Hùng Vương	25		7,60	8,25		
21	010602	TRẦN QUANG TOÀN	01-THPT Chuyên Hùng Vương	26	7,00		8,75		
22	010607	HÀ LÊ HUYỀN TRANG	01-THPT Chuyên Hùng Vương	26	7,75				
23	010668	NGUYỄN PHÚC VINH	01-THPT Chuyên Hùng Vương	28	8,75		9,75		
24	010674	NGUYỄN KHÁNH VY	01-THPT Chuyên Hùng Vương	29		8,10			
25	010685	UÔNG HOÀNG YẾN VY	01-THPT Chuyên Hùng Vương	29	7,25				
26	010698	TRỊNH NGUYỄN DIỆU ÁI	02-Trường THCS Phú Hòa	1		4,90	8,75		
27	010719	LÊ QUỲNH ANH	02-Trường THCS Phú Hòa	1			8,50		
28	010723	NGUYỄN BẢO TRÂM ANH	02-Trường THCS Phú Hòa	2		4,80	8,00		
29	010754	TRẦN NGUYỄN KIM CHI	02-Trường THCS Phú Hòa	3			8,00		
30	010755	NGUYỄN NGỌC KIM CƯỜNG	02-Trường THCS Phú Hòa	3		7,20	7,75		
31	010820	NGUYỄN PHAN THANH HUY	02-Trường THCS Phú Hòa	6	5,75				
32	010831	HUỲNH VĨNH KHANG	02-Trường THCS Phú Hòa	6	7,50				
33	010839	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	02-Trường THCS Phú Hòa	6			7,50		
34	010874	TRỊNH KHÁNH LINH	02-Trường THCS Phú Hòa	8	7,50	5,30			
35	010895	TẠ ANH MINH	02-Trường THCS Phú Hòa	9			7,50		
36	010908	PHẠM KHÁNH NGÂN	02-Trường THCS Phú Hòa	9			8,75		
37	010947	HUỲNH THANH PHONG	02-Trường THCS Phú Hòa	11	5,75				
38	010948	VƯƠNG THIÊN PHÚ	02-Trường THCS Phú Hòa	11			7,50		
39	010997	NGUYỄN HOÀNG MINH THÔNG	02-Trường THCS Phú Hòa	13			9,00		

STT	Số báo danh	Họ và tên	HỘI ĐỒNG	PHÒNG THI	Điểm sau phúc khảo				Ghi chú
					Văn	Anh	Toán	tiền,K K	
40	011002	MAI PHƯƠNG THÚY	02-Trường THCS Phú Hòa	13	8,75		9,25		
41	011034	NGUYỄN HUỖNH THANH TRÍ	02-Trường THCS Phú Hòa	15			7,75		
42	011052	DƯƠNG TÚ UYÊN	02-Trường THCS Phú Hòa	15	7,75				
43	020120	BÙI ĐÌNH CHÍNH	03-THPT Võ Minh Đức	5		3,60	7,00		
44	020143	NGUYỄN QUỐC DUY	03-THPT Võ Minh Đức	6	6,75				
45	020321	NGUYỄN PHẠM VĂN KHÁNH	03-THPT Võ Minh Đức	14	7,25	4,10	6,00		
46	020494	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYÊN	03-THPT Võ Minh Đức	21	6,00				
47	020586	PHAN HỒNG PHÚC	03-THPT Võ Minh Đức	25	7,25	1,00	6,50		
48	020789	CAO NHẢ TRÚC	04-THCS Nguyễn Thị Minh Khai	8		3,00	5,75		
49	030023	VŨ GIA AN	05-THPT An Mỹ	1		2,60			
50	030035	LÊ CHU VÂN ANH	05-THPT An Mỹ	2	6,50				
51	030072	PHẠM NHẬT TUẤN ANH	05-THPT An Mỹ	3			3,60		
52	030109	TRẦN HỮU BẢO	05-THPT An Mỹ	5	5,50	3,80	4,75		
53	030123	VÕ THANH BÌNH	05-THPT An Mỹ	6		2,20	4,50		
54	030212	LÊ NGÂN GIANG	05-THPT An Mỹ	9	7,25	4,20			
55	030277	NGUYỄN XUÂN HIẾU	05-THPT An Mỹ	12	7,25		6,70		
56	030398	TRẦN NGUYỄN TRUNG KIÊN	05-THPT An Mỹ	17	5,25	3,20			
57	030416	ĐÌNH THỊ HOÀNG LAN	05-THPT An Mỹ	18		1,20			
58	030460	PHẠM HOÀNG LONG	05-THPT An Mỹ	20		2,80	5,25		
59	030478	NGUYỄN THỊ LƯU LY	05-THPT An Mỹ	20	7,75	3,00			
60	030589	NGUYỄN NGUYỄN KHÔI NGUYÊN	06-THCS Phú Mỹ	1		3,60	7,75		
61	030690	NGUYỄN VƯƠNG HỮU PHÚC	06-THCS Phú Mỹ	5		2,00			
62	030758	TRẦN NGUYỄN HỒNG SƠN	06-THCS Phú Mỹ	8	6,75	2,60			
63	030799	LÊ NGUYỄN HỒNG THẨM	06-THCS Phú Mỹ	10		1,80			
64	030939	PHẠM HOÀNG TRƯƠNG	06-THCS Phú Mỹ	16			5,40		
65	030940	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG TRƯỜNG	06-THCS Phú Mỹ	16		3,40	4,10		
66	030963	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	06-THCS Phú Mỹ	17		4,30	6,75		
67	031009	TRẦN TUYẾT VY	06-THCS Phú Mỹ	19	7,25	3,60	6,50		
68	040152	NGUYỄN LÊ DŨNG	07-THPT Bình Phú	7	5,00				
69	040275	PHẠM HUY HOÀNG	07-THPT Bình Phú	12	7,00				
70	040374	HOÀNG ĐÌNH KIÊN	07-THPT Bình Phú	16	6,00		5,75		
71	040626	NGUYỄN ĐỖ BẢO NHƯ	07-THPT Bình Phú	27		2,60	4,25		
72	040654	VƯƠNG TẤN PHÁT	07-THPT Bình Phú	28	5,75		7,75		
73	040663	TRẦN PHẠM VĨ PHONG	07-THPT Bình Phú	28		2,40			
74	040760	NGUYỄN MAI THẢO	08-THCS Định Hòa	2	6,75				
75	040815	NGUYỄN ĐỖ MINH THƯ	08-THCS Định Hòa	4	6,00	2,80	5,50		
76	050190	NGÔ ĐÌNH HOÀNG	09-THPT Nguyễn Đình Chiểu	8	3,00	1,60			
77	050202	LÊ TẤN HUY	09-THPT Nguyễn Đình Chiểu	9	6,50		4,10		
78	050414	TRƯƠNG THỊ CẨM NHUNG	10-THCS Nguyễn Văn Cừ	1	6,75		4,50		
79	050470	NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG	10-THCS Nguyễn Văn Cừ	3		3,00	4,10		
80	050474	NGUYỄN ANH QUÂN	10-THCS Nguyễn Văn Cừ	3	6,25				
81	050540	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	10-THCS Nguyễn Văn Cừ	6		3,00	5,25		
82	050646	NGUYỄN TRÍ VIỆT	10-THCS Nguyễn Văn Cừ	10			5,00		

STT	Số báo danh	Họ và tên	HỘI ĐỒNG	PHÒNG THI	Điểm sau phúc khảo				Ghi chú
					Văn	Anh	Toán	tiền,K K	
83	060014	VŨ TRƯỜNG AN	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	1			8,75		
84	060053	HỒ GIA BẢO	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	3	7,00		7,25		
85	060094	LÝ THÙY DƯƠNG	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	4	6,75	5,40			
86	060125	TRẦN THÁI HƯƠNG GIANG	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	6			7,80		
87	060176	HỒ MINH HUY	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	8			8,75		
88	060245	PHẠM MINH KỶ	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	11			7,75		
89	060249	NGUYỄN BỘI LÃNG	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	11			7,75		
90	060264	NGUYỄN NGỌC LINH	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	11		8,20			
91	060279	TRẦN PHI LONG	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	12	7,50	3,40	6,00		
92	060308	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	13			7,25		
93	060332	TRẦN XUÂN NGHI	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	14			7,00		
94	060357	NGUYỄN THIỆN NHÂN	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	15	7,50				
95	060397	LÊ HỒNG PHONG	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	17			7,00		
96	060433	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	19			9,00		
97	060474	NGUYỄN PHÚC THỊNH	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	20			8,50		
98	060477	TRỊNH NGUYỄN HOÀNG PHÚC THỊNH	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	20	7,50		8,00		
99	060513	NGUYỄN BÍCH TRÂM	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	22	7,25		7,25		
100	060558	LÊ ANH VŨ	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	24			8,25		
101	060564	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG VY	11-Trường THPT Trịnh Hoài Đức	24	6,25				
102	070001	DƯƠNG KHẢ ÁI	12-THCS Nguyễn Văn Tiét	1		1,80	5,00		
103	070147	LÊ TIẾN DŨNG	12-THCS Nguyễn Văn Tiét	7			6,50		
104	070261	LÊ TUẤN HUY	12-THCS Nguyễn Văn Tiét	11	6,00		6,00		
105	070309	NGUYỄN DUY KHÁNH	12-THCS Nguyễn Văn Tiét	13			6,50		
106	070525	NGUYỄN HOÀNG TÂM NHƯ	12-THCS Nguyễn Văn Tiét	22	6,25				
107	070625	PHAN HUỲNH PHÚ THỊNH	13-THCS Nguyễn Văn Tiét	5		3,90	7,00		
108	070634	TRẦN THANH THU	13-THCS Nguyễn Văn Tiét	5	8,00				
109	070706	NGÔ THÀNH TRÍ	13-THCS Nguyễn Văn Tiét	8		3,40	6,75		
110	080025	NGUYỄN ĐỨC ANH	14-THPT Trần Văn Ôn	2		1,80	4,50		
111	080122	NGUYỄN TUẤN DŨNG	14-THPT Trần Văn Ôn	6	6,25	3,40	5,75		
112	080124	PHẠM TUẤN DŨNG	14-THPT Trần Văn Ôn	6	4,25				
113	080212	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	14-THPT Trần Văn Ôn	9		4,10			
114	080366	TRẦN AN KHANG	14-THPT Trần Văn Ôn	16		3,20			
115	080419	LÊ HƯƠNG LIÊN	14-THPT Trần Văn Ôn	18		2,80	4,50		
116	080529	PHẠM THU NGÂN	14-THPT Trần Văn Ôn	23	6,25	1,80	7,00		
117	080602	LÊ THỊ TUYẾT NHI	15-THCS Thuận Giao	1			6,15		
118	080673	NGUYỄN TRẦN GIA PHÚ	15-THCS Thuận Giao	4		3,20			
119	080699	PHẠM THỊ ÁNH PHƯỢNG	15-THCS Thuận Giao	5	6,50				
120	080705	PHAN VĂN QUANG	15-THCS Thuận Giao	5		2,00			
121	080979	PHẠM ĐỖ NHÃ UYÊN	15-THCS Thuận Giao	16			6,00		
122	090006	NGÔ ĐỨC AN	18-THPT Dĩ An	1			9,00		
123	090009	NGUYỄN LÊ HUỲNH AN	18-THPT Dĩ An	1		3,20			

STT	Số báo danh	Họ và tên	HỘI ĐỒNG	PHÒNG THI	Điểm sau phúc khảo				Ghi chú
					Văn	Anh	Toán	tiền,K K	
124	090054	PHAN TRẦN NGỌC ÁNH	18-THPT Dĩ An	3			7,75		
125	090094	ĐOÀN MẠNH CÔNG	18-THPT Dĩ An	4			8,25		
126	090117	NGUYỄN THỊ LINH ĐAN	18-THPT Dĩ An	5	7,00				
127	090133	HỒ MINH ĐỨC	18-THPT Dĩ An	6			6,50		
128	090157	BÙI GIA HÂN	18-THPT Dĩ An	7			7,75		
129	090186	LÊ ĐỨC HUY	18-THPT Dĩ An	8			8,00		
130	090201	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	18-THPT Dĩ An	9	7,50				
131	090216	LÊ TUẤN KHANG	18-THPT Dĩ An	9	6,75	7,20			
132	090259	HỒ VĨNH LINH	18-THPT Dĩ An	11			8,25		
133	090273	PHẠM VÕ KHÁNH LINH	18-THPT Dĩ An	12			7,75		
134	090337	NGUYỄN DƯƠNG MẶN NGHI	18-THPT Dĩ An	15	7,00				
135	090351	NGUYỄN MAI NHƯ NGỌC	18-THPT Dĩ An	15	7,00				
136	090398	HỒ TẤN PHÁT	19-THCS Dĩ An	2			8,00		
137	090414	NGUYỄN VĂN HOÀNG PHÚC	19-THCS Dĩ An	3	7,50	3,60	8,25		
138	090426	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	19-THCS Dĩ An	3			7,75		
139	090441	NGUYỄN NGỌC DIỄM QUỲNH	19-THCS Dĩ An	4		7,30	7,75		
140	090443	VÕ ÁI XUÂN QUỲNH	19-THCS Dĩ An	4			8,75		
141	090481	TRỊNH THỤY DIỄM THÙY	19-THCS Dĩ An	6			8,00		
142	090496	ĐÀO TRUNG TÍN	19-THCS Dĩ An	6		6,50	7,00		
143	090515	NGUYỄN THỊ MỸ TRÂN	19-THCS Dĩ An	7	7,00				
144	090534	NGUYỄN NGỌC MINH TÚ	19-THCS Dĩ An	8		7,90	8,00		
145	100116	LÊ PHƯỚC BẢO	20-THPT Nguyễn An Ninh	5	2,50		4,50		
146	100127	PHẠM VĂN BẢO	20-THPT Nguyễn An Ninh	6			6,50		
147	100173	THÁI QUỐC CƯỜNG	20-THPT Nguyễn An Ninh	8		2,20	5,00		
148	100207	THÁI THỊ THUY DUYÊN	20-THPT Nguyễn An Ninh	9			3,50		
149	100310	LÊ DUY HIẾU	20-THPT Nguyễn An Ninh	13		4,00			
150	100321	VŨ THIÊN HÒA	20-THPT Nguyễn An Ninh	14		3,00	6,00		
151	100383	NGUYỄN GIA HƯNG	20-THPT Nguyễn An Ninh	16	7,75	3,00			
152	100404	NGUYỄN HOÀNG HUY KHANG	20-THPT Nguyễn An Ninh	17			4,10		
153	100406	NGUYỄN LÊ BẢO KHANG	20-THPT Nguyễn An Ninh	17		4,20	5,90		
154	100424	ĐÌNH TRẦN ĐĂNG KHÔI	20-THPT Nguyễn An Ninh	18		2,80			
155	100426	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	20-THPT Nguyễn An Ninh	18			6,75		
156	100510	NGUYỄN ĐĂNG LƯƠNG	20-THPT Nguyễn An Ninh	22	6,25	2,40	6,50		
157	100573	TRẦN BẢO NAM	21-THCS An Bình	2	5,75		4,60		
158	100615	PHẠM THỊ MINH NGỌC	21-THCS An Bình	4		1,80			
159	100631	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG NHÂN	21-THCS An Bình	5	6,25		5,55		
160	100672	TRẦN CAO HẠ NHI	21-THCS An Bình	6		2,80			
161	100708	PHẠM ĐỨC PHÁT	21-THCS An Bình	8			6,50		
162	100738	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	21-THCS An Bình	9		2,20	6,25		
163	100752	TRỊNH TRẦN MINH PHƯƠNG	21-THCS An Bình	10			6,75		

STT	Số báo danh	Họ và tên	HỘI ĐỒNG	PHÒNG THI	Điểm sau phúc khảo				Ghi chú
					Văn	Anh	Toán	tiền,K K	
164	100755	NGUYỄN ĐIỀN QUANG	21-THCS An Bình	10	6,75	2,00	5,35		
165	100822	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	21-THCS An Bình	13	7,00	4,40	7,00		
166	100928	NGUYỄN THÙY TRANG	21-THCS An Bình	17	5,50		4,75		
167	100954	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	21-THCS An Bình	18		2,60			
168	101048	NGUYỄN NGỌC TUỜNG VY	21-THCS An Bình	22			6,00		
169	101053	NGUYỄN TƯỜNG VY	21-THCS An Bình	22		2,60			
170	110037	MAI THỊ LAN ANH	22-THPT Bình An	2			7,25		
171	110099	VŨ GIA BẢO	22-THPT Bình An	5	6,75				
172	110118	ĐÀO NGUYỄN KHÁNH CHI	22-THPT Bình An	5		3,00			
173	110380	ĐOÀN GIA KỶ	22-THPT Bình An	16	7,25	3,60			
174	110472	NGUYỄN NHẬT NAM	22-THPT Bình An	20	6,75	3,20	7,75		
175	110540	ĐẶNG NGỌC YẾN NHI	22-THPT Bình An	23	7,00	3,60			
176	110550	NGUYỄN THỊ BÌNH NHI	22-THPT Bình An	23		2,60	4,75		
177	110652	PHẠM SƠN QUYỀN	23-THCS Bình An	4			6,00		
178	110679	VŨ NGỌC THANH TÂM	23-THCS Bình An	5			7,00		
179	110699	HUỲNH NGỌC THẢO	23-THCS Bình An	6			8,50		
180	110745	PHẠM THỊ MINH THƯ	23-THCS Bình An	8		2,40			
181	110916	HOÀNG THANH XUÂN	23-THCS Bình An	15	7,25	4,00			
182	120001	ĐẶNG THỊ THÁI AN	26-THPT Tân Phước Khánh	1	6,00		6,25		
183	120030	NGUYỄN QUỲNH ANH	26-THPT Tân Phước Khánh	2		2,00			
184	120162	NGUYỄN THIÊN HOÀN	26-THPT Tân Phước Khánh	7		3,60	6,50		
185	120197	VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	26-THPT Tân Phước Khánh	9			7,00		
186	120338	TÔN NỮ THẢO NGUYỄN	26-THPT Tân Phước Khánh	15	7,00		7,00		
187	120410	TRỊNH LAN PHƯƠNG	26-THPT Tân Phước Khánh	18	7,50				
188	120427	NGUYỄN NGỌC SANG	26-THPT Tân Phước Khánh	18	6,00	1,00	4,75		
189	120431	LÊ HOÀNG SƠN	26-THPT Tân Phước Khánh	18			6,50		
190	120502	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	27-THCS Tân Phước Khánh	3	6,25				
191	120537	NGUYỄN MẬU TÚ	27-THCS Tân Phước Khánh	5			7,50		
192	130123	LÊ VĂN THÀNH DANH	28-THPT Thái Hòa	6			6,00		
193	130129	HOÀNG HUY DŨNG	28-THPT Thái Hòa	6		3,40			
194	130142	VŨ ĐÌNH DUY	28-THPT Thái Hòa	6			6,05		
195	130292	HÀ THỊ THU HUYỀN	28-THPT Thái Hòa	13		3,00	4,25		
196	130582	NGUYỄN TÂN PHÁT	28-THPT Thái Hòa	25		2,40			
197	130765	LÊ QUANG TIẾN	29-THCS Thái Hòa	4		2,20			
198	130790	NGUYỄN NGỌC TRÂM	29-THCS Thái Hòa	5			7,25		
199	140076	LÝ HỌC GIA BẢO	30-THPT Huỳnh Văn Nghệ	4			4,75		
200	140085	TRỊNH NGỌC BẢO	30-THPT Huỳnh Văn Nghệ	4			6,00		
201	140114	HÀ MINH CHIẾN	30-THPT Huỳnh Văn Nghệ	5		3,00	6,75		
202	140450	NGUYỄN THỊ THÙY NGÂN	30-THPT Huỳnh Văn Nghệ	19		2,40	5,60		
203	140532	NGUYỄN ĐÌNH UYÊN NHƯ	30-THPT Huỳnh Văn Nghệ	23			5,80		
204	140557	TÔ TÂN PHÁT	30-THPT Huỳnh Văn Nghệ	24		3,40			
205	140656	NGUYỄN VÕ TUẤN THANH	30-THPT Huỳnh Văn Nghệ	28	6,50				

STT	Số báo danh	Họ và tên	HỘI ĐỒNG	PHÒNG THI	Điểm sau phúc khảo				Ghi chú
					Văn	Anh	Toán	tiền,K K	
206	140681	PHẠM VĂN THIÊN	31-THCS Lê Thị Trung	1		2,60	6,50		
207	140826	LÊ NGUYỄN MINH TUYẾT	31-THCS Lê Thị Trung	7		3,00	7,00		
208	140849	LƯƠNG THỂ VINH	31-THCS Lê Thị Trung	8	5,50	3,00	6,50		
209	140857	NGUYỄN THANH VŨ	31-THCS Lê Thị Trung	8			6,00		
210	160152	LÊ BẢO NGÂN	33-THPT Lê Lợi	7			6,25		
211	160254	LƯƠNG THU TRANG	33-THPT Lê Lợi	11			3,85		
212	170223	LÊ NGỌC HOÀNG PHÚC	34-THPT Tân Bình	10		1,40	5,50		
213	180013	VŨ ĐÌNH AN	35-THPT Phước Vĩnh	1	4,25				
214	180170	MAI HƯƠNG	35-THPT Phước Vĩnh	8	3,25		4,05		
215	200095	HỒ THỊ ÁI NHI	37-THCS-THPT Tây Sơn	4			8,00		
216	200141	TRỊNH ANH THU'	37-THCS-THPT Tây Sơn	6		2,20			
217	210011	NGUYỄN HOÀNG AN	39-THPT Bến Cát	1		3,60	7,75		
218	210028	LÊ NGUYỄN TUẤN ANH	39-THPT Bến Cát	2	4,25	2,40	3,50		
219	210072	ĐẶNG NGUYỄN BẢO	39-THPT Bến Cát	3	6,00	1,80			
220	210113	LÊ THỊ XU CHỜNG	39-THPT Bến Cát	5			7,00		
221	210162	NGUYỄN DƯƠNG	39-THPT Bến Cát	7	6,25		6,50		
222	210226	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	39-THPT Bến Cát	10		2,40			
223	210310	ĐẶNG NHƯ QUỲNH HƯƠNG	39-THPT Bến Cát	13		1,80			
224	210625	VÕ THIÊN PHÚ	40-THCS Lê Quý Đôn	1	5,50				
225	210899	BÙI THỤY TUỜNG VY	40-THCS Lê Quý Đôn	12	7,00				
226	220070	NGUYỄN ANH THẾ BẢO	41-THPT Tây Nam	3	5,00				
227	220112	ĐẶNG TRẦN QUANG DỪNG	41-THPT Tây Nam	5	5,75				
228	220454	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	41-THPT Tây Nam	19		3,00	3,60		
229	220559	NGUYỄN MINH TRÍ	41-THPT Tây Nam	24			4,90		
230	220629	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	41-THPT Tây Nam	27	6,75	2,20	4,60		
231	230054	TRẦN HÀ ANH	42-THPT Bàu Bàng	3	6,00		6,55		
232	230415	NGUYỄN TRẦN TRÚC LY	42-THPT Bàu Bàng	18	5,00	1,80	5,50		
233	230903	TRẦN HOÀNG VŨ	43-THCS Lai Hưng	17	7,25				
234	230904	TRẦN NGỌC VŨ	43-THCS Lai Hưng	17	6,00	1,80	3,00		
235	240096	NGUYỄN ĐỨC LONG	44-THPT Thanh Tuyền	4	5,50	2,60	4,60		
236	240201	PHAN BÍCH TRÂM	44-THPT Thanh Tuyền	9		3,60			
237	260024	VŨ PHƯƠNG CHI	46-THCS-THPT Minh Hòa	1	6,00				
238	270075	NGUYỄN HOÀNG MINH LÂM	38-THPT Phước Hòa	4	5,50	0,60	3,75		
239	280072	NGUYỄN VĂN LỢI	47-THPT Long Hòa	3	4,00	2,60	4,35		
240	280082	PHAN HOÀI NAM	47-THPT Long Hòa	4		10,00			
241	290148	NGUYỄN NGỌC THÙY DƯƠNG	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	7		2,20			
242	290229	VŨ NGỌC HẰNG	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	10			6,75		
243	290270	LÊ THỊ THU HUỆ	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	12		3,60	6,75		
244	290289	TRẦN QUỐC HUY	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	13	5,75		7,25		
245	290311	HOÀNG TRỌNG KHANG	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	13		3,00			
246	290334	PHẠM VĂN KIẾN	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	14	7,25		6,50		

STT	Số báo danh	Họ và tên	HỘI ĐỒNG	PHÒNG THI	Điểm sau phúc khảo				Ghi chú
					Văn	Anh	Toán	tiền,K K	
247	290396	LÊ THỊ ÁNH MAI	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	17		3,00			
248	290404	BÙI CAO MINH	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	17			5,60		
249	290429	HỒ BẢO NAM	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	18	5,25		4,80		
250	290437	NGUYỄN QUỲNH NGA	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	19	7,50		8,25		
251	290453	TRINH THỊ THÚY NGÂN	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	19			6,75		
252	290478	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	24-THPT Nguyễn Thị Minh Khai	20			6,90		
253	290587	LÊ MẠNH QUÂN	25-THCS Tân Bình - Dĩ An	5		4,60	7,50		
254	290593	PHAN THỂ MINH QUÂN	25-THCS Tân Bình - Dĩ An	5		3,80	6,75		
255	290610	NGUYỄN VĂN SƠN	25-THCS Tân Bình - Dĩ An	6	5,50		5,00		
256	290617	LÊ THỊ MINH TÂM	25-THCS Tân Bình - Dĩ An	6			7,25		
257	290635	VÕ ĐOÀN VĂN THÀNH	25-THCS Tân Bình - Dĩ An	7	7,50		8,75		
258	290700	NGUYỄN THỊ THU TRANG	25-THCS Tân Bình - Dĩ An	10			7,50		
259	290792	NGUYỄN TRẦN KHÁNH VY	25-THCS Tân Bình - Dĩ An	14	6,75	7,10	6,50		
260	300091	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	16-THPT Lý Thái Tổ	4			5,80		
261	300099	LÊ CHÍ BẢO	16-THPT Lý Thái Tổ	5	6,25	3,60			
262	300212	LÊ VĂN TÙNG DƯƠNG	16-THPT Lý Thái Tổ	9	5,00	2,40			
263	300332	VŨ DUY HOÀNG	16-THPT Lý Thái Tổ	14	6,00	3,20			
264	300431	TRẦN ĐĂNG KHÔI	16-THPT Lý Thái Tổ	18	6,50	2,80	6,75		
265	300507	NGUYỄN VÕ MINH LUẬN	16-THPT Lý Thái Tổ	22			8,25		
266	300612	PHAN ÁNH NGỌC	16-THPT Lý Thái Tổ	26		3,80			
267	300687	HỒ QUỲNH NHƯ	16-THPT Lý Thái Tổ	29	6,25		6,00		
268	300793	NGUYỄN NGỌC SUN	17-THCS Nguyễn Văn Trỗi	5			7,50		
269	300844	NGUYỄN QUANG THIÊN	17-THCS Nguyễn Văn Trỗi	7		3,20	4,75		
270	300996	HỒ THANH TÙNG	17-THCS Nguyễn Văn Trỗi	13	6,75	3,20			
271	301019	LÊ THỂ VIỆT	17-THCS Nguyễn Văn Trỗi	14		2,60	5,85		
272	301035	BÙI NGUYỄN MINH VY	17-THCS Nguyễn Văn Trỗi	15		2,60	6,75		
273	010135	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	01-THPT Chuyên Hùng Vương	6				1,00	Giải Nhì KHKT cấp tỉnh
274	040018	CHU TUẤN ANH	07-THPT Bình Phú	1				1,00	Mẹ DT Tày
275	050285	LÊ NGỌC KHÁNH LINH	09-THPT Nguyễn Đình Chiểu	12				1,00	Mẹ DT Mường
276	050057	ĐẶNG NGUYỄN BẢO	09-THPT Nguyễn Đình Chiểu	3				1,00	Mẹ DT Hoa
277	110178	LÊ THÀNH ĐẠT	22-THPT Bình An	8				1,00	Mẹ DT Kor

Danh sách có 277 thí sinh./.